

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 294/2026/HS-ST

Ngày: 04/6/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Long

Bà Lê Thị Khanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Lan Vi – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02/6/2026 - 04/6/2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 134/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 291/2026/QĐST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. TRẦN NGUYỄN DIỆU H2; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1985 tại tỉnh Cần Thơ; CCCD số: 094185011101 cấp ngày 12/02/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Thường trú: ấp N, xã Đ, thành phố Cần Thơ (trước đây là thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng); Nơi ở: 5K3/3 Ấp G, xã T, TP Hồ Chí Minh (trước là 5K3/3 Ấp A, xã P, huyện B, TP Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Tương L (chết) và bà Nguyễn Lê H (sinh năm 1976); Anh chị em: Có 02 người, bị cáo lớn nhất; Bị cáo không có chồng; Con: có 01 con đã thành niên; Tiền án: Không; Tiền sự: 08/11/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xử phạt hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 427. Ngày 15/8/2024 chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/6/2025 chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. LÊ VŨ NHẬT V; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; CCDD số: 079187036084 cấp tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Thường trú: 97A Ấp E, xã B, TP Hồ Chí Minh (trước đây là xã X, huyện H, TP Hồ Chí Minh); Nơi ở: 97A Ấp E, xã B, TP Hồ Chí Minh (trước đây là xã X, huyện H, TP Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Lê Ngọc D (sinh năm 1957) và bà Vũ Thị H1 (chết) Anh chị em ruột 2 người, kể cả bị cáo; Bị cáo có chồng tên Vũ Công C; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/6/2025 chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. HUỖNH NHẬT T; Giới tính: Nam; Sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh;CCCD số: 079086033889 cấp tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Thường trú: 85/1 Ấp C, xã X, TP Hồ Chí Minh (trước đây là 85/1 Ấp A, xã X, huyện H, TP Hồ Chí Minh); Nơi ở: 85/1 Ấp C, xã X, TP Hồ Chí Minh (trước đây là 85/1 Ấp A, xã X, huyện H, TP Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn:6/12; Con ông Huỳnh Văn N (sinh năm 1959) và bà Nguyễn Thị L1 (sinh năm 1960); Anh chị em: Có 05 người, bị cáo là con thứ 3; Có vợ đã ly hôn; Con: Có 01 con (sinh năm 2007).

Nhân thân: Ngày 24/5/2012 bị UBND huyện H đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng theo Quyết định số 3477; Ngày 20/11/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xử phạt hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện; Ngày 11/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xử phạt 1 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tại bản án số 154/HSST. Chấp hành xong ngày 23/4/2016. Đã xóa án tích.

Tiền án: Ngày 08/12/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xử phạt 4 năm tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 179/2016/HSST. Chấp hành xong ngày 18/10/2019. Chưa thi hành phần hình phạt bổ sung. Chưa xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/6/2025, chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Phân trại tạm giam H, Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 08/6/2025, Huỳnh Nhật T dùng tài khoản Messenger “Huỳnh Nhật T” gọi cho Lê Vũ Nhật V1 qua tài khoản Messenger “Lê Vy” rủ sử dụng ma túy thì V1 đồng ý, sau đó T đến nhà V1 để đón V1 cùng đi. T và V1 cùng lên xe đi đến Cầu L (khu vực huyện B) thì V1 gọi cho Lê Văn N1 Ý để mua ma túy, Ý hẹn qua khách sạn N2 tại địa chỉ G ấp B, xã P, huyện B, TP .. Khi đến nơi T đưa cho V1 500.000đ để mua ma túy, T ngồi trên xe đợi. Vy đi vào phòng số 1 khách sạn N2 gặp Ý, khoảng 2 phút sau V1 quay ra xe kêu T vào trong để cùng sử dụng ma túy, T cùng V1 đi vào phòng số 1 khách sạn thấy Ý đang ngồi trên ghế, trên tay có cầm 01 gói nylon bên trong có chứa ma túy đã đưa cho T, sau khi nhận ma túy xong thì T và Ý xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên T và V1 cùng nhau đi về.T thấy V1 về nhà tại địa chỉ I, ấp E, xã X, huyện H thì đi lại nói chuyện nhưng V1 bỏ vào nhà đóng cửa, T đi bộ lên hướng Cầu L thì bị Công an xã X, huyện H, Tp H kiểm tra phát hiện thu giữ 01 gói nylon có chứa ma túy đã vừa mua của Ý (ký hiệu mẫu m).

Kết quả điều tra xác định: T và V1 khai nhận như nội dung trên, chỉ điểm nơi ở của Ý tại nhà trọ số 2, địa chỉ 5K3/3 ấp A, xã P, B, TP .. Công an xã B phối hợp Công an xã P kiểm tra hành chính nhà trọ số 2, địa chỉ 5K3/3 ấp A, xã P, B, TP ., tại phòng trọ có Trần Nguyễn Diệu H2 ở, khi kiểm tra thu giữ 01 túi vải màu đen đang treo ngay cầu thang, bên trong túi vải đen có 01 cái bóp màu hồng, trong bóp có 01 gói nylon bên trong có chứa tinh thể (ký hiệu mẫu m).

Trần Nguyễn Diệu H2 cùng Lê Văn N1 Ý có quan hệ tình cảm nên Ý thuê phòng số 2, nhà trọ tại 5K3/3 ấp A, xã P, B cho H2 ở, riêng Ý không ở đây mà thỉnh

thoảng mới đến rồi đi. Quá trình sống chung, H2 biết Ý có bán ma túy và Ý có kêu H2 giao ma túy cho con nghiện phụ Ý, cụ thể: Ngày 01/06/2025, Ý gọi điện cho H2 kêu đem ma túy ra đầu đường dãy nhà trọ bán cho con nghiện và lấy 200.000 đồng. Khoảng 1 tuần trước khi bị bắt, Ý đưa cho H2 01 gói nylon chứa ma túy đá, H2 tự phân ma túy ra từng phần nhỏ cất giấu trong bóp màu hồng để bán cho con nghiện. Sáng ngày 11/6/2025, H2 tiếp tục bán ma túy với giá 200.000 đồng cho 01 người nghiện trước dãy trọ, đến tối cùng ngày thì bị Công an kiểm tra phát hiện thu giữ số ma túy còn lại. H2 biết Ý tên là Lê Văn Nhựt Ý (sinh năm: 1990; ngụ Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre), sử dụng số điện thoại 0798219515 và tài khoản Messenger Nhuty Le Van.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ, và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Kết luận giám định số 7975/KL-KTHS ngày 16/6/2025 của Phòng K Công an Thành phố H xác định (BL145): Tinh thể được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4105g, loại Methamphetamine.

Kết luận giám định số 8140/KL-KTHS ngày 20/6/2025 của Phòng K Công an Thành phố H xác định (BL146): Tinh thể được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,3315g, loại Methamphetamine.

Vật chứng thu giữ: 01 gói niêm phong ghi số vụ 2487/25, 01 gói niêm phong ghi số vụ 2540/25, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 cây kéo bằng kim loại, 02 đoạn ống hút nhựa được cắt xéo một đầu còn một đầu được hàn kín, 10 ống thủy tinh, 10 túi nylon không chứa gì, 01 điện thoại di động hiệu Redmi 10C; Số IMBI 1: 352987109193336; số IMEI 2: 52988109193334, 01 điện thoại di động hiệu VOS 3.0; số IMEI 1: 351726112084467; Số MEI 2: 3517261120844 (BL 147).

Tại bản Cáo trạng số 240/CT-VKSKV8 ngày 10/02/2026, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử bị cáo Trần Nguyễn Diệu H2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xét xử các bị cáo Lê Vũ Nhật V1, Huỳnh Nhật T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi của bị cáo đối với xã hội đồng thời nêu lên tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Nguyễn Diệu H2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Áp dụng khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù; Đồng thời phạt tiền 5.000.000 đồng.

- Tuyên bố bị cáo Lê Vũ Nhật V1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) 06 (sáu) tháng tù.

- Tuyên bố bị cáo Huỳnh Nhật T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 (hai) 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

- Về xử lý vật chứng, đề nghị: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong ghi số vụ 2487/25; 01 gói niêm phong ghi số vụ 2540/25; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 cây kéo bằng kim loại; 02 đoạn ống hút nhựa được cắt xéo một đầu còn một đầu được hàn kín; 10 ống thủy tinh; 10 túi nylon không chứa gì.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Redmi 10C; Số IMBI 1: 352987109193336; số IMEI 2: 52988109193334,

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu VOS 3.0; số IMEI 1: 351726112084467; Số MEI 2: 3517261120844

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi như luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Trần Nguyễn Diệu H2 là người yêu của Lê Văn N1 Ý (đã bỏ trốn, đang bị truy nã), chung sống tại phòng trọ số 2 (địa chỉ E ấp A, xã P, B). H2 biết rõ Ý có bán ma túy và Ý có bảo H2 giao ma túy cho con nghiện giúp Ý. H2 đã trực tiếp mang ma túy đi bán theo chỉ đạo của Ý vào ngày 01/06/2025 thu về 200.000 đồng. H2 nhận gói ma túy lớn từ Ý, tự phân chia thành các phần nhỏ cất giấu trong bóp màu hồng để bán. Sáng ngày 11/6/2025, H2 tiếp tục bán 01 phần ma túy với giá 200.000 đồng cho một người nghiện trước đây trợ. Đến tối cùng ngày thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt giữ và thu giữ toàn bộ số ma túy còn lại (1,3315g Methamphetamine).

[2.2] Kết luận giám định số 7975/KL-KTHS ngày 16/6/2025 của Phòng K Công an Thành phố H xác định: Tinh thể được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4105g, loại Methamphetamine. Kết luận giám định số 8140/KL-KTHS ngày 20/6/2025 của Phòng K Công an Thành phố H xác định: Tinh

thể được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,3315g, loại Methamphetamine.

[2.3] Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định hành vi nêu trên của bị cáo Trần Nguyễn Diệu H2 đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện sát nhân dân Khu vực H3 - TP Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo Trần Nguyễn Diệu H2 theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, nên buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo luật định.

[2.4] Đối với hành vi của bị cáo Huỳnh Nhật T và Lê Vũ Nhật V1: Khoảng 13 giờ ngày 08/6/2025, Huỳnh Nhật T rủ Lê Vũ Nhật V1 sử dụng ma túy và V1 đồng ý. Cả hai đi xe G đến khu vực cầu L (B) để V1 gọi điện cho Lê Văn N1 Ý mua ma túy. T đưa V1 500.000 đồng để mua. V1 vào phòng số 1 khách sạn N2 gặp Ý, mua và nhận 01 gói nylon chứa ma túy mang ra xe. Sau đó, T và V1 cùng vào lại phòng khách sạn để định sử dụng chung nhưng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nên cả hai đi về. Khi T đi bộ về hướng Cầu L thì bị Công an xã X, huyện H kiểm tra, phát hiện và thu giữ 01 gói nylon chứa ma túy vừa mua của Ý. Kết luận giám định số 7975/KL-KTHS ngày 16/6/2025 của Phòng K Công an Thành phố H xác định: Tinh thể được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4105g, loại Methamphetamine.

[2.5] Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định hành vi nêu trên của các bị cáo Huỳnh Nhật T, Lê Vũ Nhật V1 đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - TP Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử các bị cáo Huỳnh Nhật T, Lê Vũ Nhật V1 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, nên buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo luật định.

[3] Ma túy là chất gây nghiện nguy hiểm do Nhà nước thống nhất quản lý độc quyền. Mọi hành vi tàng trữ, mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy đều bị Nhà nước nghiêm cấm, bản thân các bị cáo Trần Nguyễn Diệu H2, Huỳnh Nhật T, Lê Vũ Nhật V1 là người có đầy đủ năng lực hành vi và tự nhận thức được điều này nhưng các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

[3.1] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người rủ rê và bỏ tiền, còn bị cáo V1 là người trực tiếp giao dịch nhận ma túy. Vai trò của hai bên là ngang nhau nên mức phạt đối với bị cáo T và bị cáo V1 sẽ tương đương nhau.

[3.2] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét:

[3.2.1] Đối với bị cáo Trần Nguyễn Diệu H2: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; Về nhân thân: Ngày 08/11/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xử phạt hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 427. Ngày 15/8/2024 chấp hành xong.

[3.2.2] Đối với bị cáo Lê Vũ Nhật V1: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; Về nhân thân: tốt.

[3.2.3] Đối với bị cáo Huỳnh Nhật T: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo tái phạm, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, trước đây đã nhiều lần bị xử lý hành chính, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã có tiền án về các tội xâm phạm trật tự xã hội và tội liên quan đến ma túy. Có bản án trước chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới, do đó hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Điều này thể hiện bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện, tiếp tục vi phạm pháp luật. Đây là yếu tố cần xem xét khi lượng hình.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận định cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - TP Hồ Chí Minh là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

[6.1] 01 () gói niêm phong ghi số vụ 2487/25, 01 (một) gói niêm phong ghi số vụ 2540/25, 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 (một) kéo bằng kim loại, 02 (hai) ống hút nhựa được cắt xéo một đầu còn một đầu được hàn kín, 10 (mười) ống thủy tinh, 10 (mười) túi nylon không chứa gì: Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

[6.2] 01 () điện thoại di động hiệu Redmi 10C; Số IMEI 1: 352987109193336; số IMEI 2: 352988109193334: quá trình điều tra, xét xử đã làm rõ có liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[6.3] 01 () điện thoại di động hiệu VOS 3.0; số IMEI 1: 351726112084467; Số IMEI 2: 3517261120844: quá trình điều tra, xét xử đã làm rõ có liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7] Đối với Lê Văn Nhựt Ý, ngày 29/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã có Quyết định tách vụ án hình sự số G2262/QĐ-CSMT ngày 29/01/2026, ra Quyết định truy nã số G2260/QĐTN-CSMT ngày 29/01/2026, khi nào bắt được bị can xử lý sau.

[8] Đối với khách sạn N2, chủ nhà trọ Số 2, địa chỉ 5K3/3 ấp A, xã P, B, TP . không biết việc các bị cáo mua bán ma túy nên không có cơ sở xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Diệu H2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2025.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Vũ Nhật V1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2025.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Huỳnh Nhật T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2025.

4. Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong ghi số vụ 2487/25, 01 (một) gói niêm phong ghi số vụ 2540/25, 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 (một) kéo bằng kim loại, 02 (hai) ống hút nhựa được cắt xéo một đầu còn một đầu được hàn kín, 10 (mười) ống thủy tinh, 10 (mười) túi nylon không chứa gì.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 10C; Số IMEI 1: 352987109193336; số IMEI 2: 352988109193334.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu VOS 3.0; số IMEI 1: 351726112084467; Số IMEI 2: 3517261120844.

(Vật chứng được ghi theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 11/3/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014):

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP Hồ Chí Minh;
- VKSND KV8-TP Hồ Chí Minh;
- PV06 - Công an TP Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV8 - TP Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam khu vực Hóc Môn,
Trại tạm giam số 2 - Công an TP Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh Như

